TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 207/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 28 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397, 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông ĐHS, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà NNK, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/5/2021, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông ĐHS và bà NNK thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 59 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 4, TP.HCM cấp ngày 06/6/2019).

[2] Về con chung: Ông ĐHS và bà NNK xác nhận có 01 con chung tên ĐNGM, sinh ngày 06/9/2019. Các đương sự thỏa thuận: Giao con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng được thi hành vào ngày 15 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 15/6/2021 cho đến khi con chung thành niên.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông ĐHS và bà NNK tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân gia đình: Bà NNK tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông ĐHS và bà NNK thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 59 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 4, TP.HCM cấp ngày 06/6/2019).

- Về con chung: Ông ĐHS và bà NNK xác nhận có 01 con chung tên ĐNGM, sinh ngày 06/9/2019. Các đương sự thỏa thuận: Giao con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng được thi hành vào ngày 15 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 15/6/2021 cho đến khi con chung thành niên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông ĐHS và bà NNK tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà NNK tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036138 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Bình